TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST
Ngày: 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tuấn.

Ông Nguyễn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 11 năm 2019, ngày 27 tháng 11 năm 2019 (Tuyên án) tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Thị Thùy D; sinh năm: 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường H, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà: Lê Thị L (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/5/2005 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 346/HSST, ngày 27/9/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 06 tháng 02 ngày tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo Bản án số 136/2011/HSST; bị cáo đang tại ngoại.

2/Phạm Huỳnh Đăng K; sinh năm: 1983 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi thường trú: đường P, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N và bà: Huỳnh Thị H; có vợ: Phạm Thụy Hồng C và 03 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/8/2017 bị Công an Quận 10 xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép" theo Quyết định số 17959/QĐ-XPVPHC); bị cáo đang tại ngoại.

3/Lê Văn T (tên gọi khác: Tí); sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường V, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường V, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Chân Xg và bà: Lê Thị D; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc C và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

4/Phạm Hoàng Mạnh C; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: lô A Chung cư Q, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Mạnh C (chết) và bà: Hoàng Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

5/Lâm Bảo T; sinh năm: 1981 tại tỉnh Tây Ninh; nơi thường trú: khu phố O, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn S và bà: Võ Thị K; có chồng: Nguyễn Văn T (chết) và 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010); tiền án: 01 (ngày 02/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 7.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 05/2016/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; bị cáo đang tại ngoại.

6/Đào Thị T; sinh năm: 1962 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường B, phường H, thành phố D, tỉnh Nam Định; nơi ở: lô P Chung cư T, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn S (chết) và bà: Trần Thị C (chết); có chồng: Đỗ Công T và 02 con (lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

7/Trương C; sinh năm: 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông: Trương Y (chết) và bà: Trương K (chết); có chồng: Huỳnh Nghĩa T; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

8/Lê Thị Thu H; sinh năm: 1974 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường H, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Lê Thị H (chết); có chồng: / và 01 con sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

9/Lê Thị Mỹ L; sinh năm: 1974 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường V, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường H, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Lê Thị H (chết); có chồng: / và 01 con sinh năm 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

10/Trần Thị T; sinh năm: 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường T, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn C (chết) và bà: Trần Thị K; có chồng: Nguyễn Hùng D; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

(Các bị cáo có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 25/01/2019, tại trước nhà số 46/1 đường Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an Quận 10 kết hợp cùng Công an Phường 2, Quận 10 bắt quả tang Nguyễn Thị Thùy D đang "làm cái" và đánh bạc dưới hình thức bài cào với các con bạc (Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T).Vật chứng thu giữ được bao gồm: 02 bộ bài tây, 4.000.000 đồng (thu giữ trên chiếu bạc); từ Nguyễn Thị Thùy D: 37.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe môtô biển số 59H1-657.56; từ Phạm Huỳnh Đăng K: 16.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe môtô biển số 93P1-

868.19; từ Phạm Hoàng Mạnh C: 18.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 xe môtô biển số 59U2- 139.94; từ Lê Văn T: 500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone; từ Lâm Bảo T: 01 điện thoại di động hiệu BUK; từ Đào Thị T: 100.000 đồng, điện thoại di động hiệu Samsung; từ Lê Thị Thu H: 01 điện thoại di động hiệu Nokia; từ Trương C: 1.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone. Vụ việc được Công an Phường 12. Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 23 giờ 00 ngày 24/01/2019, Nguyễn Thị Thùy D đến khu vực hẻm 46 Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10 để thu tiền hụi cho chủ hụi, sau đó ngồi chơi. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 25/01/2019, D cùng các con bạc tự ý tụ tập đánh bài dưới hình thức bài cào tại trước nhà số 46/1 đường Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10. D "làm cái" và sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc này, Phạm Huỳnh Đăng K sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, Lê Văn T cũng đánh ké vào tụ của Khôi và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, Phạm Hoàng Mạnh C sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, Lâm Bảo T sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt, T đã nghỉ được 30 phút. Riêng Trương C sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc (C đưa tiền cho Lê Thị Mỹ L đặt ké). L và Lê Thị Thu H mỗi người cũng đem theo 200.000 đồng để đánh bạc (H và L có đưa tiền cho Đào Thị T đặt tụ), T sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, Trần Thị T có chơi hai ván (mỗi ván 50.000 đồng) và sau khi thua thì T không chơi nữa.

Như vậy số tiền đánh bạc của D và các con con bạc được xác định như sau:

Nguyễn Thị Thùy D là 10.000.000 đồng + 4.000.000 đồng (từ Khôi, Tiến) + 1.500.000 đồng (từ Cương) + 200.000 đồng (từ Trâm) + 400.000 đồng (từ Chánh) + 400.000 đồng (từ Hà, Lệ) + 400.000 đồng (từ Thủy) + 100.000 đồng (từ Thu) = 17.000.000 đồng.

Phạm Huỳnh Đăng K, Lê Văn T là 4.000.000 đồng + 10.000.0000 đồng (từ D) = 14.000.000 đồng.

Phạm Hoàng Mạnh C là 1.500.000 đồng + 10.000.0000 đồng (từ D) = 11.500.000 đồng.

Lâm Bảo T là 200.000 đồng + 10.000.0000 đồng (từ D) = 10.200.000 đồng.

Trương C, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Đào Thị T là 400.000 đồng (từ C) + 400.000 đồng (từ L, H) + 400.000 đồng (từ T) + 10.000.0000 đồng (từ D) = 11.200.000 đồng.

Trần Thị T là 100.000 đồng + 10.000.0000 đồng (từ D) = 10.100.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1360/KLGĐ ngày 08/4/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Y tế kết luận:

Về y học: Trước, trong, sau và hiện tại tâm thần bình thường/Tiền sử ghi nhận có động kinh đang điều trị đã ổn định.

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau và cho đến hiện tại đối tượng Nguyễn Thị Thùy D đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Nguyễn Thị Thùy D, Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T về hành vi "Đánh bạc".

Cơ quan điều tra Công an Quận 10 đã thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu, tiền mặt có liên quan đến vụ án. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý, bao gồm: 02 bộ bài tây (loại 52 lá), 17.800.000 đồng.

Một số tài sản không liên quan đến vụ án như tiền, điện thoại di động… Cơ quan điều tra đã trả cho các bị can và người quản lý hợp pháp của họ, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 74/CT.VKS ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Thị Thùy D, Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội D bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm đối với bị cáo Trâm), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo D bị bệnh động kinh cơn lớn và đang hưởng chính sách hỗ trợ thuốc điều trị tâm thần của chính quyền địa

phương nơi cư trú, bị cáo K có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo T có hoàn cảnh đáng thương: chồng chết và có 02 con còn rất nhỏ) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị Thùy D: từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Lâm Bảo T: từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Phạm Huỳnh Đăng K: từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Phạm Hoàng Mạnh C: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Lê Văn T: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Đào Thị T: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Lê Thị Thu H: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Lê Thị Mỹ L: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Trương C: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Trần Thị T: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội D lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với nhau, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng tạm giữ được, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy D, Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T thực hiện hành vi "Đánh bạc".

Xét thấy trong vụ án này, các bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bạc (bài cào có con bạc làm cái sát với con bạc không làm cái), đây là các trường hợp "một người đánh bạc với nhiều người"; do đó số tiền đánh bạc đối với từng bị cáo đã được xác định ở phần lập luận tại nội D bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 như đã nêu trên; do vậy:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy D, Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T bị truy tố và xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng do vậy cần phải đưa ra xét xử trước pháp luật tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy D: mặc tham gia với vai trò làm cái, số tiền đánh bạc được xác định là nhiều nhất trong các bị cáo, nhân thân không tốt (nhưng tất cả đã được xóa án tích); nhưng bản thân trong quá trình điều tra: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo bị bệnh động kinh cơn lớn và đang hưởng chính sách hỗ trợ thuốc điều trị tâm thần của chính quyền địa phương nơi cư trú, đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đồng thời xét thấy tội phạm của bị cáo thực hiện là "tội phạm ít nghiêm trọng" và có "nơi cư trú rõ ràng". Do vậy Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét, khoan hồng và áp dụng một trong các loại hình phạt thích hợp đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); cụ thể là hình phạt "cải tạo không giam giữ" theo quy định tại Điều 36, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với trường hợp bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do hoàn cảnh bệnh tật của bị cáo như đã nêu ở trên; nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Lâm Bảo T: mặc dù có nhân thân không tốt, cụ thể: Ngày 02/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 7.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng, do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); nhưng trong vụ án này, bị cáo chỉ tham gia với vai trò con bạc, số tiền đánh bạc được xác định là ít nhất trong các bị cáo; đồng thời bản thân trong quá trình điều tra: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo có hoàn cảnh đáng thương: Chồng chết và có 02 con còn rất nhỏ, đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; xét thấy tội phạm của bị cáo thực hiện là "tội phạm ít nghiêm trọng" và có "nơi cư trú rõ ràng". Do vậy Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét, khoan hồng và áp dụng một trong các loại hình phạt thích hợp đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); cụ thể là

hình phạt "cải tạo không giam giữ" theo quy định tại Điều 36, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với trường hợp của bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình của bị cáo như đã nêu ở trên; nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với các bị cáo (Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T) thuộc nhóm thực hiện hành vi phạm tội "Đánh bạc" với vai trò là con bạc, các bị cáo đều có nhân thân tốt (riêng bị cáo Khôi có nhân thân: ngày 02/8/2017 bị Công an Quận 10 xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép", nhưng đã được xóa tiền sự) và số tiền đánh bạc tương đối nhỏ và đồng thời bản thân các bị cáo trong quá trình điều tra: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo Khôi có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; xét thấy tội phạm của các bị cáo thực hiện là "tội phạm ít nghiêm trọng". Do vậy Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét, khoan hồng và áp dụng một trong các loại hình phạt thích hợp đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); cụ thể là hình phạt "tiền" theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với trường hợp của các bị cáo và miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về vật chứng:

Đối với: 17.800.000 đồng; là phương tiện phạm tội; vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 02 bộ bài tây (loại 52 lá), không đáng giá trị; vậy căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy D, Phạm Huỳnh Đăng K, Phạm Hoàng Mạnh C, Lê Văn T, Lâm Bảo T, Đào Thị T, Lê Thị Thu H, Lê Thị Mỹ L, Trương C, Trần Thị T phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D: 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án hoặc trích sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy D cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy D trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo D 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm Bảo T;

Xử phạt bị cáo Lâm Bảo T: 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án hoặc trích sao bản án.

Giao bị cáo Lâm Bảo T cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh) để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lâm Bảo T trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo T 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Huỳnh Đăng K;

Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Đăng K 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Hoàng Mạnh C;

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Mạnh C 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn T;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đào Thị T;

Xử phạt bị cáo Đào Thị T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Thu H;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Mỹ L;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ L 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương C;

Xử phạt bị cáo Trương C 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thị T;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 17.800.000 (mười bảy triệu tám trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 02 bộ bài tây (loại 52 lá).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (10)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (32)

Nguyễn Triệu Luật